



**PHỤ LỤC 1A**  
**THỐNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA THÔN/TỔ DÂN PHỐ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG MỸ Hào**

(Kèm theo dự thảo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

| STT | Tên thôn/ tổ dân phố | Quy mô số hộ gia đình      |                             | Số dân | Yếu tố đặc thù (nếu có) | Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại | Thuộc diện giải thể | Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------|-----------------------------|--------|-------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------------------|---------|
|     |                      | Quy mô số hộ gia đình (hộ) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%) |        |                         |                                 |                     |                                       |         |
| 1   | 2                    | 3                          | 4                           | 5      | 6                       | 7                               | 8                   | 9                                     | 10      |
| 1   | TDP Ngọc Trì         | 180                        | 32,73                       | 678    |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 2   | TDP Yên Xá           | 705                        | 128,18                      | 2493   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 3   | TDP Kim Huy          | 414                        | 75,27                       | 1429   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 4   | TDP Nghĩa Trang      | 234                        | 42,55                       | 853    |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 5   | TDP Hoàng Lê         | 340                        | 61,82                       | 1109   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 6   | TDP Quan Cù          | 457                        | 83,09                       | 1594   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 7   | TDP Tiên Xá 2        | 400                        | 72,73                       | 1052   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 8   | TDP Tiên xá 1        | 374                        | 68,00                       | 1323   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 9   | TDP Nhuận Trạch      | 422                        | 76,73                       | 1517   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 10  | TDP Tiên Xá 3        | 179                        | 32,55                       | 579    |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 11  | TDP Dâu              | 547                        | 99,45                       | 1860   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 12  | TDP Bùì              | 480                        | 87,27                       | 1674   |                         | 1                               |                     |                                       |         |
| 13  | TDP Phúc Xá          | 577                        | 104,91                      | 2037   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 14  | TDP An Tháp          | 644                        | 117,09                      | 2315   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 15  | TDP Yên Tập          | 834                        | 151,64                      | 3104   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |

| STT             | Tên thôn/ tổ dân phố | Quy mô số hộ gia đình      |                             | Số dân | Yếu tố đặc thù (nếu có) | Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại | Thuộc diện giải thể | Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại | Ghi chú |
|-----------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------|--------|-------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------------------|---------|
|                 |                      | Quy mô số hộ gia đình (hộ) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%) |        |                         |                                 |                     |                                       |         |
| 16              | TDP Nguyễn Xá        | 2285                       | 415,45                      | 7217   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 17              | TDP Lỗ Xá            | 1245                       | 226,36                      | 4654   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 18              | TDP Cộng Hòa         | 1890                       | 343,64                      | 5461   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 19              | TDP Văn Nhuế         | 2472                       | 449,45                      | 6431   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 20              | TDP Phó Bần          | 890                        | 161,82                      | 3122   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 21              | TDP Phú Đa           | 569                        | 103,45                      | 2001   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 22              | TDP Phô Nối          | 1513                       | 275,09                      | 5014   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 23              | TDP Cẩm Sơn          | 727                        | 132,18                      | 2505   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| 24              | TDP Cẩm Quan         | 749                        | 136,18                      | 2517   |                         |                                 |                     | 1                                     |         |
| Tổng số: 24 TDP |                      | 19127                      |                             | 62539  |                         | 12                              |                     | 12                                    |         |

**Ghi chú:**

Tỷ lệ % về quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố được tính theo tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố tương ứng quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố



ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG MỸ HÒA

PHỤ LỤC 1B

THÔNG KÊ THÔN/ TỎ DÂN PHỐ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo dự thảo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND Phường Mỹ Hòa)

| STT | Tên thôn (TDP)                                            | Số hộ gia đình | Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình so với quy định (đạt tỷ lệ %) | Số dân | Lý do không thực hiện sắp xếp (Trình bày rõ các yếu tố đặc thù, lý do không sắp xếp) |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2                                                         | 3              | 4                                                           | 5      | 6                                                                                    |
| I   | KHÔNG SẮP XẾP DO ĐÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH |                |                                                             |        |                                                                                      |
| 1   | TDP Phúc Xá                                               | 577            | 104,91                                                      | 2037   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 2   | TDP An Thập                                               | 644            | 117,09                                                      | 2315   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 3   | TDP Yên Tập                                               | 834            | 151,64                                                      | 3104   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 4   | TDP Nguyễn Xá                                             | 2285           | 415,45                                                      | 7217   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 5   | TDP Lỗ Xá                                                 | 1245           | 226,36                                                      | 4654   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 6   | TDP Cộng Hòa                                              | 1890           | 343,64                                                      | 5461   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 7   | TDP Văn Nhuế                                              | 2472           | 449,45                                                      | 6431   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 8   | TDP Phố Bàn                                               | 890            | 161,82                                                      | 3122   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 9   | TDP Phú Đa                                                | 569            | 103,45                                                      | 2001   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 10  | TDP Phố Nối                                               | 1513           | 275,09                                                      | 5014   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 11  | TDP Cẩm Sơn                                               | 727            | 132,18                                                      | 2505   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| 12  | TDP Cẩm Quan                                              | 749            | 136,18                                                      | 2517   | Đủ tiêu chuẩn theo quy định                                                          |
| ... | Tổng số: 12 TDP                                           |                |                                                             |        |                                                                                      |

| STT  | Tên thôn (TDP)                                                   | Số hộ gia đình | Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình so với quy định (đạt tỷ lệ %) | Số dân | Lý do không thực hiện sắp xếp (Trình bày rõ các yếu tố đặc thù, lý do không sắp xếp) |
|------|------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | 2                                                                | 3              | 4                                                           | 5      | 6                                                                                    |
| II   | CHƯA ĐẠT TIÊU CHUẨN NHƯNG KHÔNG SẮP XẾP DO CÓ CÁC YẾU TỐ ĐẶC THÙ |                |                                                             |        |                                                                                      |
| 1    | Tổ dân phố                                                       |                |                                                             |        |                                                                                      |
| 2    |                                                                  |                |                                                             |        |                                                                                      |
| .... |                                                                  |                |                                                             |        |                                                                                      |
|      | Tổng số:....                                                     |                |                                                             |        |                                                                                      |

\* Ghi chú: Tổng số thôn, TDP không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tại PL 1A phải thống nhất số liệu với Phụ lục 1B



PHỤ LỤC 2A

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn/tổ dân phố trên địa bàn phường Mỹ Hào  
(Kèm theo dự thảo Đề án số /ĐA-UBND ngày /06/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

| TT | Tên thôn/tổ dân phố cũ | Số hộ gia đình (hộ) | Tổng số dân (người) | Phương án sắp xếp, tổ chức lại      |                     |                                                 |                     |                                                       | Ghi chú |
|----|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------|---------|
|    |                        |                     |                     | Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới | Số hộ gia đình (hộ) | Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %) | Tổng số dân (người) | Lý do                                                 |         |
| 1  | 2                      | 3                   | 4                   | 5                                   | 6                   | 7                                               | 8                   | 9                                                     | 10      |
| 1  | TDP Kim Huy            | 414                 | 1429                | TDP Kim Trang                       | 648                 | 117,82                                          | 2282                | Số hộ dân không đảm bảo theo nghị định 185/2026/NĐ-CP |         |
|    | TDP Nghĩa Trang        | 234                 | 853                 |                                     |                     |                                                 |                     |                                                       |         |
| 2  | TDP Yên Xá             | 705                 | 2493                | TDP Ngọc Xá                         | 885                 | 160,91                                          | 3171                | Số hộ dân không đảm bảo theo nghị định 185/2026/NĐ-CP |         |
|    | TDP Ngọc Trì           | 180                 | 678                 |                                     |                     |                                                 |                     |                                                       |         |
| 3  | TDP Hoàng Lê           | 340                 | 1109                | TDP Phan Đình Phùng                 | 797                 | 144,91                                          | 2703                | Số hộ dân không đảm bảo theo nghị định 185/2026/NĐ-CP |         |
|    | TDP Quan Cù            | 457                 | 1594                |                                     |                     |                                                 |                     |                                                       |         |
| 4  | TDP Tiên Xá 1          | 374                 | 1323                | TDP Tiên Xá                         | 774                 | 140,73                                          | 2375                | Số hộ dân không đảm bảo theo nghị định 185/2026/NĐ-CP |         |
|    | TDP Tiên Xá 2          | 400                 | 1052                |                                     |                     |                                                 |                     |                                                       |         |
| 5  | TDP Nhuận Trạch        | 422                 | 1517                | TDP Nhuận Xá                        | 601                 | 109,27                                          | 2096                | Số hộ dân không đảm bảo theo nghị định 185/2026/NĐ-CP |         |
|    | TDP Tiên Xá 3          | 179                 | 579                 |                                     |                     |                                                 |                     |                                                       |         |
| 6  | TDP Dâu                | 547                 | 1860                | TDP Dâu Bùi                         | 1027                | 186,73                                          | 3534                | Số hộ dân không đảm bảo theo nghị định 185/2026/NĐ-CP |         |
|    | TDP Bùi                | 480                 | 1674                |                                     |                     |                                                 |                     |                                                       |         |
| 7  | TDP Phúc Xá            | 577                 | 2037                |                                     | 577                 | 104,91                                          | 2037                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 8  | TDP An Tháp            | 644                 | 2315                |                                     | 644                 | 117,09                                          | 2315                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 9  | TDP Yên Tập            | 834                 | 3104                |                                     | 834                 | 151,64                                          | 3104                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 10 | TDP Nguyễn Xá          | 2285                | 7217                |                                     | 2285                | 415,45                                          | 7217                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 11 | TDP Lỗ Xá              | 1245                | 4654                |                                     | 1245                | 226,36                                          | 4654                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 12 | TDP Cộng Hòa           | 1890                | 5461                |                                     | 1890                | 343,64                                          | 5461                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 13 | TDP Văn Nhuế           | 2472                | 6431                |                                     | 2472                | 449,45                                          | 6431                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 14 | TDP Phố Bàn            | 890                 | 3122                |                                     | 890                 | 161,82                                          | 3122                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 15 | TDP Phú Đa             | 569                 | 2001                |                                     | 569                 | 103,45                                          | 2001                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 16 | TDP Phố Nối            | 1513                | 5014                |                                     | 1513                | 275,09                                          | 5014                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 17 | TDP Cẩm Sơn            | 727                 | 2505                |                                     | 727                 | 132,18                                          | 2505                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
| 18 | TDP Cẩm Quan           | 749                 | 2517                |                                     | 749                 | 136,18                                          | 2517                | Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định           |         |
|    | Tổng cộng: 18 TDP      |                     |                     |                                     | 19127               |                                                 | 62539               |                                                       |         |



## PHỤ LỤC 2B

**Tổng hợp số lượng, quy mô thôn/tổ dân phố sau khi sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn phường Mỹ Hào**  
(Kèm theo dự thảo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

| TT | Tên xã, phường | Số thôn, tổ dân phố trước sắp xếp, tổ chức lại | Số thôn/ tổ dân phố thực hiện sắp xếp, tổ chức lại | Số thôn/tổ dân phố không thực hiện sắp xếp |                                                                    | Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp, tổ chức lại | Số lượng phương án sắp xếp, tổ chức lại |                      |                                 |     | Số thôn, tổ dân phố giảm | Số người HD KCT dự kiến giảm | Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm | Trụ sở nhà văn hóa đôi dư                                                           | Ghi chú |
|----|----------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------|---------------------------------|-----|--------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                |                                                |                                                    | Do đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định        | Chưa đảm bảo tiêu chuẩn nhưng không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại |                                             | Sắp xếp 02 thôn/ TDP                    | Sắp xếp 03 thôn/ TDP | Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên | ... |                          |                              |                                                    |                                                                                     |         |
| A  | B              | 1                                              | 2                                                  | 3                                          | 4                                                                  | 5                                           | 6                                       | 7                    | 8                               | 9   | 10                       | 11                           | 12                                                 | 13                                                                                  | 14      |
| 1  | Phường Mỹ Hào  | 24                                             | 12                                                 | 12                                         | 0                                                                  | 18                                          | 6                                       | 0                    |                                 | 0   | 6                        |                              | 56                                                 | Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. |         |



### PHỤ LỤC 3C

## Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Mỹ Hào

(Kèm theo dự thảo Đề án số /ĐA-UBND ngày /06/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

| TT | Tên địa phương | Số lượng thôn/ tổ dân phố | Các tổ chức tại thôn, TDP          |          |                       |             |                |             |                  |                                   |                                       |                                  |          |                       |             |                |             |                  |                                   |                                       |                                          | Ghi chú |
|----|----------------|---------------------------|------------------------------------|----------|-----------------------|-------------|----------------|-------------|------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|----------|-----------------------|-------------|----------------|-------------|------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|---------|
|    |                |                           | Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố |          |                       |             |                |             |                  |                                   |                                       | Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố |          |                       |             |                |             |                  |                                   |                                       | So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp |         |
|    |                |                           | Tổng số                            | Trong đó |                       |             |                |             |                  |                                   |                                       | Tổng số                          | Trong đó |                       |             |                |             |                  |                                   |                                       |                                          |         |
|    |                |                           |                                    | Chi bộ   | Ban công tác Mặt trận | Chi hội CCB | Chi hội phụ nữ | Chi đoàn TN | Chi hội nông dân | Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng | Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...) |                                  | Chi bộ   | Ban công tác Mặt trận | Chi hội CCB | Chi hội phụ nữ | Chi đoàn TN | Chi hội nông dân | Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng | Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...) |                                          |         |
| 1  | 2              | 3                         | 4                                  | 5        | 6                     | 7           | 8              | 9           | 10               | 11                                | 12                                    | 13                               | 14       | 15                    | 16          | 17             | 18          | 19               | 20                                | 21                                    | 22=13-4                                  | 23      |
| 1  | Phường Mỹ Hào  | 24                        | 190                                | 24       | 24                    | 24          | 24             | 24          | 22               | 0                                 | 48                                    | 142                              | 18       | 18                    | 18          | 18             | 18          | 16               | 0                                 | 36                                    | -48                                      |         |

ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG MỸ HÀO

PHỤ LỤC 3D

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ; NGƯỜI THAM GIA KHÁC Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo dự thảo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

| STT | Tên thôn, tổ dân phố | Số lượng theo định mức                                |                                                      |                                        | Số lượng hiện có                                      |                                                      |                                        | Số lượng dự kiến bố trí, sắp xếp tại thôn/tổ dân phố mới |                                                      |                                        | Số lượng dự kiến dôi dư sau sắp xếp                   |                                                      |                                        | Phương án giải quyết dôi dư |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|
|     |                      | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố    | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở |                             |
| 1   | 2                    | 3                                                     | 4                                                    | 5                                      | 7                                                     | 8                                                    | 9                                      | 11                                                       | 12                                                   | 13                                     | 15                                                    | 16                                                   | 17                                     | 19                          |
|     | Phường Mỹ Hào        |                                                       |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 1   | TDP Kim Huy          | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 3                                                     | 7                                                    | 2                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 1                                      |                             |
| 2   | TDP Nghĩa Trang      | 3                                                     | 6                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 2                                      |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 3   | TDP Ngọc Tri         | 3                                                     | 6                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 2                                      |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 4   | TDP Yên Xá           | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 3                                                     | 6                                                    | 3                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | 2                                                     | 6                                                    | 2                                      |                             |
| 5   | TDP Hoàng Lê         | 3                                                     | 5                                                    | 3                                      | 2                                                     | 6                                                    | 3                                      |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 6   | TDP Quan Cù          | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 3                                                     | 7                                                    | 2                                      |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 7   | TDP Phúc Xá          | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | 0                                                     | 0                                                    | 0                                      |                             |
| 8   | TDP An Tháp          | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 2                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | -1                                                    | 0                                                    | -1                                     |                             |
| 9   | TDP Yên Tập          | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 6                                                    | 3                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | -1                                                    | -1                                                   | 0                                      |                             |
| 10  | TDP Nguyễn Xá        | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 2                                      | 3                                                        | 8                                                    | 3                                      | -1                                                    | -1                                                   | -1                                     |                             |
| 11  | TDP Lỗ Xá            | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 3                                      | 3                                                        | 8                                                    | 3                                      | -1                                                    | -1                                                   | 0                                      |                             |

| STT | Tên thôn, tổ dân phố | Số lượng theo định mức                                |                                                      |                                        | Số lượng hiện có                                      |                                                      |                                        | Số lượng dự kiến bố trí, sắp xếp tại thôn/tổ dân phố mới |                                                      |                                        | Số lượng dự kiến dôi dư sau sắp xếp                   |                                                      |                                        | Phương án giải quyết dôi dư |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|
|     |                      | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố    | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố | Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố | Người tham gia Tổ đảm bảo ANTT ở cơ sở |                             |
| 12  | TDP Cộng Hòa         | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 6                                                    | 3                                      | 3                                                        | 8                                                    | 3                                      | -1                                                    | -2                                                   | 0                                      |                             |
| 13  | TDP Văn Nhuế         | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 3                                      | 3                                                        | 8                                                    | 3                                      | -1                                                    | -1                                                   | 0                                      |                             |
| 14  | TDP Phở Bần          | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 7                                                    | 2                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | -1                                                    | 0                                                    | -1                                     |                             |
| 15  | TDP Phú Đa           | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 5                                                    | 2                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | -1                                                    | -2                                                   | -1                                     |                             |
| 16  | TDP Phở Nối          | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 8                                                    | 2                                      | 3                                                        | 8                                                    | 3                                      | -1                                                    | 0                                                    | -1                                     |                             |
| 17  | TDP Tiên Xá 2        | 3                                                     | 6                                                    | 3                                      | 2                                                     | 9                                                    | 2                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | 1                                                     | 10                                                   | 2                                      |                             |
| 18  | TDP Tiên Xá 1        | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 2                                                     | 8                                                    | 3                                      |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 19  | TDP Tiên Xá 3        | 3                                                     | 6                                                    | 3                                      | 2                                                     | 8                                                    | 2                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | 1                                                     | 9                                                    | 2                                      |                             |
| 20  | TDP Nhuận Trạch      | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 2                                                     | 8                                                    | 3                                      |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 21  | TDP Dâu              | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 2                                                     | 6                                                    | 3                                      | 3                                                        | 8                                                    | 3                                      | 1                                                     | 7                                                    | 2                                      |                             |
| 22  | TDP Bùi              | 3                                                     | 7                                                    | 3                                      | 2                                                     | 9                                                    | 2                                      |                                                          |                                                      |                                        |                                                       |                                                      |                                        |                             |
| 23  | TDP Cẩm Sơn          | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 9                                                    | 2                                      | 3                                                        | 7                                                    | 3                                      | -1                                                    | 2                                                    | -1                                     |                             |
| 24  | TDP Cẩm Quan         | 3                                                     | 8                                                    | 3                                      | 2                                                     | 10                                                   | 2                                      | 3                                                        | 8                                                    | 3                                      | -1                                                    | 2                                                    | -1                                     |                             |
|     | <b>Tổng số</b>       | <b>72</b>                                             | <b>174</b>                                           | <b>72</b>                              | <b>52</b>                                             | <b>174</b>                                           | <b>58</b>                              | <b>54</b>                                                | <b>133</b>                                           | <b>54</b>                              | <b>-2</b>                                             | <b>41</b>                                            | <b>4</b>                               |                             |